Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 21-11-2025 10:23:56

**Phụ lục.**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỢT 36 NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1763 /QĐ-SYT ngày 21 /11/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân | | | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số, ký hiệu GPHN | Hình thức cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 1 | Trần Thị Thu Hà | 16/11/2000 | 062300006546 | 08/5/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Bác sỹ | Y khoa | 000718/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 2 | Phạm Minh Hiếu | 14/02/2000 | 062200003239 | 15/01/2025 | Bộ Công an | Bác sỹ | Y khoa | 000719/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 3 | Lê Huỳnh Hương | 02/09/2000 | 062300004392 | 18/08/2025 | Bộ Công an | Bác sỹ | Y học cổ truyền | 000720/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 4 | Nguyễn Xuân Quỳnh | 03/04/2003 | 051303001595 | 02/04/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000721/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 5 | Cầm Thị Huyền | 27/04/2004 | 038304026985 | 01/05/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000722/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 6 | Y Lễ | 17/11/2003 | 062303005978 | 13/05/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000723/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 7 | Vũ Duy Hoàng | 29/04/1992 | 036092000402 | 29/03/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Bác sỹ | Y khoa | 000724/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 8 | Đinh Duy Mạnh | 21/12/1997 | 051097018561 | 15/01/2024 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Bác sỹ | Y khoa | 000725/QNG-GPHN | Cấp mới |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân | | | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số, ký hiệu GPHN | Hình thức cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 9 | Nguyễn Lê Như Quỳnh | 12/7/2002 | 051302012704 | 06/09/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Kỹ thuật y | Xét nghiệm y học | 000726/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 10 | Trầm Hữu Tài | 15/10/2002 | 062202004302 | 21/07/2025 | Bộ Công an | Kỹ thuật y | Xét nghiệm y học | 000727/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 11 | Phạm Hồng Nguyên | 19/5/1994 | 051094006131 | 17/6/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Bác sỹ | Y học cổ truyền | 000728/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 12 | Đinh Ly Hiệp | 26/5/1989 | 062089003976 | 12/8/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Y sỹ | Đa khoa | 000729/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 13 | Lê Trần Như Như | 04/02/1998 | 062198003597 | 12/11/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Bác sỹ | Y học dự phòng | 000730/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 14 | Nguyễn Hoàng Thương | 08/12/2002 | 051302010036 | 20/8/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000731/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 15 | Tô Thị Vi Sa | 29/10/2004 | 051304011308 | 27/12/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000732/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 16 | Trần Thảo Nhi | 07/4/1997 | 062197004573 | 10/5/2021 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Bác sỹ | Y học dự phòng | 000733/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 17 | Trần Thị Ngọc Linh | 05/11/1999 | 051199003212 | 03/12/2024 | Bộ Công an | Kỹ thuật y | Xét nghiệm y học | 000734/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 18 | Lê Thị Thu Phương | 25/5/2004 | 051304003077 | 18/6/2022 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000735/QNG-GPHN | Cấp mới |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân | | | Chức danh chuyên môn | Phạm vi hành nghề | Số, ký hiệu GPHN | Hình thức cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số | Ngày cấp | Nơi cấp | | | | |
| 19 | Huỳnh Minh Đạt | 29/3/2000 | 051200004600 | 19/3/2025 | Bộ Công an | Bác sỹ | Y khoa | 000736/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 20 | Hoàng Thị Huyền | 16/02/2003 | 040303017735 | 19/02/2022 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Điều dưỡng | Điều dưỡng | 000737/QNG-GPHN | Cấp mới |
| 21 | Đoàn Thị Lễ | 16/10/1972 | 051172005354 | 26/8/2022 | Cục Cảnh sát QLHC và TTXH | Y sỹ | Đa khoa | 000738/QNG-GPHN | Cấp lại |
| | **Tổng cộng: 21** | | | | | | | | |